

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY ME**

Cho niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2008

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>601.893.577.092</b>	<b>435.788.459.439</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>111.573.090.135</b>	<b>100.199.766.545</b>
1. Tiền	111		46.573.090.135	7.199.766.545
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	93.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>50.826.192.013</b>	<b>114.785.850.913</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	66.264.691.843	116.403.761.343
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(15.438.499.830)	(1.617.910.430)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>163.002.240.940</b>	<b>147.632.163.052</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	43.221.524.639	38.185.627.668
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	101.975.037.482	61.149.857.809
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	18.287.557.067	48.778.555.823
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(481.878.248)	(481.878.248)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>273.325.014.707</b>	<b>61.234.583.955</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	273.325.014.707	61.739.195.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	-	(504.611.223)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.167.039.297</b>	<b>11.936.094.974</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.865.522.153	9.098.376.965
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	92.378.114	92.378.114
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	1.209.139.030	2.745.339.895

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY ME

Cho niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2008

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>434.413.959.273</b>	<b>434.607.575.457</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>91.342.881</b>	<b>94.717.935</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		91.342.881	94.717.935
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>167.155.326.383</b>	<b>187.928.279.263</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	152.238.135.354	176.943.370.287
<i>Nguyên giá</i>	222		955.311.928.981	952.827.280.315
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(803.073.793.627)	(775.883.910.028)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	9.935.847.910	10.513.005.781
<i>Nguyên giá</i>	228		13.884.182.388	13.537.301.388
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.948.334.478)	(3.024.295.607)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	4.981.343.119	471.903.195
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>264.573.770.259</b>	<b>243.588.540.259</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	33.946.593.886	43.946.593.886
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	19.490.000.000	7.690.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	211.137.176.373	191.951.946.373
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.593.519.750</b>	<b>2.996.038.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	2.244.505.746	2.647.023.996
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.20	349.014.004	349.014.004
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.036.307.536.365</b>	<b>870.396.034.896</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY ME**

Cho niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2008

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>429.137.109.782</b>	<b>244.856.854.615</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>336.364.531.297</b>	<b>136.210.921.857</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	805.500.000	2.099.898.000
2. Phải trả người bán	312	V.22	169.769.362.051	66.588.742.794
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	10.224.681.000	14.821.600.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	14.058.959.167	17.059.350.814
5. Phải trả người lao động	315		15.854.897.403	6.882.028.263
6. Chi phí phải trả	316	V.25	41.662.248.450	5.941.748.138
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	83.988.883.226	22.817.553.848
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>92.772.578.485</b>	<b>108.645.932.758</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.27	578.632.133	578.632.133
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	91.962.269.168	107.506.430.571
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	231.677.184	560.870.054
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>607.170.426.583</b>	<b>625.539.180.281</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>578.584.352.523</b>	<b>604.316.611.876</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	114.994.917.000	114.994.917.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(9.703.995.196)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.30	104.270.219.947	94.787.271.897
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	16.143.625.582	12.064.835.405
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	52.879.585.190	82.469.587.574
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>28.586.074.060</b>	<b>21.222.568.405</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.31	23.177.379.251	15.366.080.632
2. Nguồn kinh phí	432	V.32	4.446.030.925	4.862.257.525
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.33	962.663.884	994.230.248
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.036.307.536.365</b>	<b>870.396.034.896</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY ME

Cho niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2008

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.34	22.179.047.619	32.075.349.525
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.35	327.449.195	327.449.195
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		24.569,65	24.488,00
Euro (EUR)		21,54	13.824,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 14 tháng 07 năm 2008

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Tuấn Anh**

\_\_\_\_\_  
**Lê Thị Huệ**

\_\_\_\_\_  
**Lê Văn Thanh**